

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ
quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm**

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật an toàn thực phẩm; Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ Y tế - Bộ Công Thương - Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 43/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO về việc đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO thực hiện kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với các chỉ tiêu trong Danh mục chỉ tiêu được chỉ định kèm theo Quyết định này (Phụ lục).

Mã số cơ sở kiểm nghiệm: **11/2020/BCT-KNTP**

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực (03) năm, kể từ ngày ký.

Điều 3. Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO có trách nhiệm thực hiện công tác kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu và phải tuân thủ các quy định, hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Y tế; Bộ NN&PTNT (để biết);
- Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương (để đăng tải);
- Lưu: VT, KHCN, thanganm.

**TUQ. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**



Trần Việt Hòa

DANH MỤC CHỈ TIÊU ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định số: 2 2 7 2 /QĐ-BCT ngày 26 tháng 8 năm 2020)

TT	Phạm vi áp dụng	Tên chỉ tiêu được chỉ định	Phương pháp	Giới hạn phát hiện (nếu có)/ Phạm vi đo
I Lĩnh vực vi sinh				
1	Bánh	Định lượng <i>Bacillus cereus</i> giả định	ISO 7932:2004 (TCVN 4992:2005)	10 CFU/g
2	Sữa chế biến; Bánh	Phát hiện <i>Salmonella spp.</i>	ISO 6579-1:2017	Phát hiện / Không phát hiện trên 25g (LOD=10CFU)
II Lĩnh vực hóa				
1	Bánh; Kẹo; Nước giải khát	Xác định hàm lượng Cyclamate Phương pháp HPLC	TCVN 8472 : 2010	37.3 mg/kg
2		Xác định hàm lượng Natri benzoat, Kali sorbate Phương pháp HPLC-MWD	MKL-HH332 Ref. TCVN 8122:2009 (ISO 22855:2008)	Natri benzoat: 5 mg/kg Kali sorbate: 3 mg/kg
3	Nước giải khát	Hàm lượng Cafein bằng Sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC)	MKL-HH341Ref. TCVN 9723:2013	0.01%
4	Sữa chế biến	Xác định hàm lượng Chì (Pb)	AOAC 999.11	2.5 µg/L
5	Nước giải khát	Xác định hàm lượng Asen (As)	AOAC 986.15	10 µg/kg
6		Xác định hàm lượng Cadimi (Cd)	AOAC 999.11	2 µg/kg
7		Xác định hàm lượng Chì (Pb)	AOAC 999.11	16 µg/kg
8		Xác định hàm lượng Thủy ngân (Hg)	AOAC 971.21	10 µg/kg

TT	Phạm vi áp dụng	Tên chỉ tiêu được chỉ định	Phương pháp	Giới hạn phát hiện (nếu có)/ Phạm vi đo
9	Nước giải khát	Xác định hàm lượng Sắt (Fe)	AOAC 999.11	1 µg/kg
10		Xác định hàm lượng Kẽm (Zn)	AOAC 999.11	0.2 µg/kg
11		Xác định hàm lượng Đồng (Cu)	AOAC 999.11	0.2 µg/kg
12	Dầu thực vật	Xác định trị số axit và độ axit	TCVN 6127:2010	/
13		Xác định chỉ số Iôt	TCVN 6122:2010	/
14		Xác định tạp chất	TCVN 6125:2010	/